

Số: /QĐ-UBND Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp, khuyến nông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 519/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **03** thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế các thủ tục hành chính số thứ tự 46, 47, 48 Tiêu mục VI, Mục A phần I tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 20265 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Các Trung tâm IOC, DDS thuộc Sở KHCN;
- Trung tâm PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, HCC, SNNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP									
1	1.003388.H17	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	12 ngày làm việc	- Trực tuyến; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Số thứ tự 359 Phụ lục I Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Phụ lục I.5 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường (các Chi cục trực thuộc Sở NNMT theo chức năng nhiệm vụ được giao)	UBND thành phố	Sửa đổi bổ sung một số nội dung của trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; Tên mẫu đơn, tờ khai của TTHC; yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; căn cứ pháp lý

2	1.003371. H17	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	12 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tuyến; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ bưu chính. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục I.5 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 	Sở Nông nghiệp và Môi trường (các Chi cục trực thuộc Sở NNMT theo chức năng nhiệm vụ được giao)	UBND thành phố	Sửa đổi bổ sung một số nội dung của trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; đối tượng thực hiện TTHC; kết quả thực hiện TTHC; Tên mẫu đơn, tờ khai của TTHC; yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; căn cứ pháp lý
3	1.011647. H17	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tuyến; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục I.5 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 	Sở Nông nghiệp và Môi trường (các Chi cục trực thuộc Sở NNMT theo chức năng nhiệm vụ được giao)	UBND thành phố	Sửa đổi bổ sung một số nội dung của trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; tên mẫu đơn, tờ khai; kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện thực

				- Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ bưu chính.					hiện thủ tục hành chính; căn cứ pháp lý
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---